TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 821/2024/DS-PT
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 612/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh LA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2774/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1951 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Số D ấp D, xã H, thành phố T, tỉnh LA.

- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số F ấp D, xã H, thành phố T, tỉnh LA;

Địa chỉ tạm trú: Số F Grovrdale Circuit C, Úc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

1/ Ông Trần Văn P, sinh năm 1965 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Số B ấp V, xã B, huyện T, tỉnh LA.

2/ Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ liên hệ: Số D đường B, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 27/11/2023, tại Đ2 tại Australia, số chứng nhận: 788 Quyển số 01/2023-SCT/CK,ĐC)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Sa L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án).

Địa chỉ: Văn phòng L5, số A Hồ N, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Võ Thị L2, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã H, thành phố T, tỉnh LA.

2/ Bà Võ Thị C, sinh năm 1954 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Khu phố Q, phường K, thành phố T, tỉnh LA.

3/ Bà Võ Thị M, sinh năm 1956 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Số F Quốc lộ F, Khu phố E, Phường B, thị xã K, tỉnh LA.

4/ Ông Võ Minh T2, sinh năm 1960 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Số B ấp D, xã H, thành phố T, tỉnh LA.

5/ Bà Võ Ngọc B, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B Carroll St D, Úc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Võ Minh T2, sinh năm 1960 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

6/ Ông Đoàn Minh V, sinh năm 1696 (vắng mặt);

7/ Bà Trần Thị L3, sinh năm 1968 (vắng mặt);

8/ Bà Đoàn Thị Anh T3, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã H, thành phố T, tỉnh LA.

9/ Bà Trần Thị L4, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: F Grovrdale Circuit C, Úc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L4: Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ liên hệ: Số D đường B, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 27/11/2023, tại Đ2 tại Australia, số chứng nhận: 787 Quyển số 01/2023-SCT/CK,ĐC)

10/ Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D C, khu phố B, Phường E, thành phố T, tỉnh LA.

11/ Ông Lê Văn P1, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh LA.

12/ Bà Võ Thị Xuân H, sinh năm 1963 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án);

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông P1, bà D: Ông Võ Minh T2, sinh năm 1960 (có mặt, vắng mặt lúc tuyên án).

13/ Ông Võ Hoàng P2, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: I European Olive W, USA.

14/ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G H, Phường B, thành phố T, tỉnh LA.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Võ Minh T; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn P; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L4.

- *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Võ Thị L trình bày: Cha của bà là cụ Võ Văn Đ chết ngày 25/11/1998 và mẹ của bà là Phạm Thị C1 chết ngày 24/11/2006. Cha mẹ bà có tổng cộng 09 người con gồm các ông bà: Võ Thị Q (đã chết), Võ Minh X (đã chết), Võ Thị L, Võ Thị L2, Võ Thị C, Võ Thị M, Võ Ngọc B, Võ Minh T2 và Võ Minh T. Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được khối tài sản sau:

+ Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA.

+ Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.850m^2 và thửa đất số 320, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.966m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA. Hai thửa đất này cha của bà là cụ Võ Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/9/1997.

Năm 1998, cha của bà chết, không để lại di chúc thì em của bà là ông Võ Minh T tự ý đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 320 và 21. Diện tích đất nêu trên được gia đình bà tiếp tục quản lý, sử dụng. Đến năm 2006, mẹ của bà chết, gia đình bà vẫn tiếp tục quản lý sử dụng.

Đến năm 2015, ông Võ Minh T tự ý đi đăng ký, sang tên thửa đất còn lại là thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LA giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA cấp cho ông Võ Minh T đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA; yêu cầu chia thừa kế toàn bộ diện tích đất của các thửa 135, 320, 21 đã nêu cho 09 người con của cụ Võ Văn Đ và cụ Phạm Thị Cẩm . Đồng thời, bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật bổ sung quyền sử dụng đất tại thửa số 388, diện tích 1.817,5m^2 tờ bản đồ số 3 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA, đây cũng là tài sản do cụ Đ và cụ C1 để lại. Bà đồng ý lấy giá trị thửa đất số 388 theo giá hiện hành của Nhà nước mà không cần trưng cầu đơn vị độc lập để định giá.

Đối với phần đất thổ, bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật, còn giá trị phần đất lúa đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần B4 bà yêu cầu được nhận giá trị thành tiền do không còn đất nữa.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 19/3/2022 của bà Võ Ngọc B, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Minh T2 đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày: Bà B thống nhất lời trình bày của bà L về mối quan hệ cha mẹ và những người con chung của cụ Võ Văn Đ và bà Phan Thị C2. Bà B xác định cụ Đ và cụ C2 không còn người con nào khác. Bà B cũng thống nhất lời trình bày của bà L về các tài sản cụ Đ và cụ C2 để lại sau khi chết.

Cụ Đ chết vào năm 1998 không để lại di chúc. Sau khi cụ Đ chết thì đến tháng 12/1998, cụ C2 và các anh em của bà B bao gồm ông Võ Minh T2, bà Võ Thị L2, bà Võ Thị C tự ý ký giấy để cho ông Võ Minh T được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 21 và 320, tờ bản đồ số 4 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA mà không thông qua ý kiến của bà B, mặc dù bà B thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ. Bà B biết sự việc sau khi ông T được đứng tên hai thửa đất số 21, 320 và chuyển nhượng cho người khác. Còn đối với thửa đất số 30, diện tích 1.919,2m^2 và thửa đất số 33, diện tích 1.044,5m^2 cùng tờ bản đồ số 4-12, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA và căn nhà thờ tọa lạc trên đất thì ông T cũng tự ý kê khai đăng ký, được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông bà Võ Minh T ngày 30/01/2001.

Đến ngày 12/6/2015, Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi quyền sử dụng đất tại thửa số 30, 33 do hợp thửa và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thành thửa 135, diện tích 2.963,7m^2, tờ bản đồ số 4-12 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA.

Nay bà B yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LA giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA cấp cho ông Võ Minh T đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA; yêu cầu được chia 1/6 diện tích đất

2.963,7m^2 thuộc thửa 135, yêu cầu được chia 1/6 diện tích của cả 2 thửa 320 và 21 với tổng diện tích là 7.816m^2.

Ông Võ Minh T2 đại diện bà Võ Ngọc B trình bày bổ sung: Ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế các tài sản của cụ Đ và cụ C2 để lại theo quy định pháp luật thành 9 phần bằng nhau, mỗi người con được hưởng kỷ phần là 1/9 tài sản, nhận hiện vật hay giá trị thành tiền thì tùy theo quy định pháp luật. Ông T2 xác định cả ông và bà B đều yêu cầu chia thừa kế này là vì nhận thấy ông T không tôn trọng anh em trong gia đình, bán đất và ra nước ngoài, không xem anh em trong gia đình ra gì, giao nhà đất hương quả cho bên vợ quản lý, giỗ quải không thông báo cho anh em tới lui cúng kiếng. Hiện nay anh em trong gia đình sống không thiếu thốn nên cũng không phải vì của cải vật chất mà đi khởi kiện.

Theo bản tường trình đề ngày 10/01/2020 của ông Võ Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông Trần Văn P đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về cha mẹ và những người con chung của cụ Đ và cụ C2. Ngoài 09 người con chung như bà L trình bày thì cụ Đ và cụ C2 không còn người con nào khác.

Sau năm 1975, cha ông là cụ Võ Văn Đ có canh tác 02 mẫu đất lúa và 03 công đất thổ tại ấp D xã H. Đến năm 1976, cha ông có chuyển 03 công đất lúa theo lộ thành đất thổ và sau đó cho chị ông là bà Võ Thị L và chồng bà L ông Ngô Văn B1 01 công đất thổ, 04 công đất lúa và cho người cháu của cụ Đ là ông Võ Văn C3 02 công đất lúa. Sau thời gian làm ruộng, chồng bà L là ông Ngô Văn B1 có mâu thuẫn với cụ Đ nên vợ chồng bà L trả ruộng lại cho cụ Đ 04 công đất lúa với 01 công đất thổ cư đi lên vùng kinh tế mới lập nghiệp. Sau đó, cụ Đ có nói chỗ vợ chồng bà Võ Thị L2 và ông Tạ Văn B2 về ở trên phần đất thổ của vợ chồng bà L và cho 01 công đất thổ và 03 công đất lúa.

Trong khoảng thời gian các chị ông có chồng thì còn lại 2 anh em ông là Võ Minh T và Võ Minh T2. Năm 1979, ông Võ Minh T2 lập gia đình nên năm 1984-1986 ra ở riêng, cụ Đ có cho ông T2 02 công đất thổ và 04 công đất lúa tọa lạc tại ấp D, xã H, thành phố T, tỉnh LA. Riêng ông thì năm 1984 ông lập gia đình, có hai con và sống canh tác trên phần đất lúa còn lại có diện tích là 7.816m^2, phụ giúp, phụng dưỡng cha mẹ ông đến khi chết.

Năm 1997, Nhà nước có chủ trương đổi sổ theo chỉ thị của tỉnh thì Ủy ban nhân dân xã H có thành lập một hội đồng cấp đổi sổ theo mẫu của Trung ương từ sổ trắng qua sổ đỏ. Lúc đó, cụ Đ còn minh mẫn có kêu ông đến nhà ông Sáu T4 là nơi hội đồng xét duyệt và là nơi Ủy ban nhân dân xã làm việc để ký tên cho ông được hưởng miếng đất thổ gần 03 công đất thông qua hội đồng ủy ban xã. Theo thời điểm đó là cấp đại trà theo danh sách liệt kê. Khi ra quyết định cấp giấy thì ông được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001.

Khi anh chị ông lần lượt lập gia đình và ra ở riêng thì vợ chồng ông là người trực tiếp quản lý sử dụng và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ đến khi chết. Trong thời gian từ năm 1982 đến năm 2016, anh em hòa thuận, vui vẻ không có mâu thuẫn gì.

Đến năm 2001, ông được người chị là Võ Ngọc B bảo lãnh đi du lịch ở Úc 02 năm, ông lao động cực nhọc ở xứ lạ quê người để có tiền về Việt Nam tạo dựng cơ ngơi và xây dựng nhà cửa để cho cha mẹ hưởng tuổi già. Thời gian ông ở Úc thì vợ ông là bà Trần Thị L4 là người kề cận chăm sóc mẹ ông và 02 con nhỏ. Trong thời điểm này nhà cửa đã cũ kỷ, xuống cấp ngập lụt, chỉ có vợ chồng ông quán xuyến trong ngoài để lo cho mẹ ông đã 82 tuổi. Đến năm 2003, ông dành dụm tiền về Việt Nam xây dựng tu bổ lại nhà cửa mới 100%. Công sức của vợ chồng ông không hề có ai hỗ trợ. Lúc cha ông còn sống, chị em trong nhà sống hòa thuận, vui vẻ. Từ năm 1997 đến năm 2016 ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cha mẹ ông đã cho vợ chồng ông, suốt thời gian 20 năm không ai tranh chấp hay có bất kỳ ý kiến nào cả cho đến giữa năm 2016 khi con gái ông bảo lãnh vợ chồng ông sang Úc định cư. Trước khi đi ông còn tổ chức tiệc gia đình chia tay anh chị em và có đưa cho 04 người bao gồm bà Võ Thị L, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M và bà Võ Ngọc B số tiền 100.000.000 đồng theo như nguyện vọng của mẹ ông khi còn sống là 03 người có đất cho 04 người không có đất.

Khi gia đình ông sang Úc định cư, ông Võ Minh T2 cứ suy nghĩ rằng ông sẽ giao nhà cửa lại cho ông T2 quản lý, trông coi giúp, nhưng thực tế ông lại giao lại cho vợ chồng người em vợ là ông Đoàn Văn V1 và bà Trần Thị L3 quản lý, trông coi. Từ đó mà phát sinh mâu thuẫn, ông T2 và bà L làm đơn khởi kiện, tìm mọi cách ngăn chặn và yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, vợ chồng ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Bởi vì vợ chồng ông đã làm tròn bổn phận dâu con, anh chị em trong nhà, lối xóm đều hết lời khen ngợi cho đến khi cha mẹ ông chết thì vợ chồng ông vẫn lo chu toàn lễ giỗ. Hiện nay tuy vợ chồng ông đã sang Úc định cư nhưng vẫn mang di ảnh cha mẹ sang Úc thờ cúng đàng hoàng. Ông vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý chia thừa kế như yêu cầu của bà L và bà B.

Ông Võ Minh T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 135, 21, 320, 388 một cách hợp lệ, không vi phạm pháp luật và thờ tự cha mẹ đàng hoàng chứ còn ông T2, bà L, bà C, bà M cho rằng muốn chia một phần đất thổ để làm kỷ niệm đất hương quả là không hợp lý. Về phần đất lúa, khi cụ C2 làm đơn xin cho ông T được cấp giấy đất thì có ông T2, bà L2, bà B, bà C ký, không thể nào không biết việc cho ông T đứng tên trên đất chứng nhận quyền sử dụng đất là không hợp lý. Lúc đó, Ủy ban xã có nói là số lượng người con tham gia ký vào đơn xin cho ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quá bán là được rồi. Lúc ông T bán đất lúa thửa số 21, 320 cho Công ty cổ phần B4 thì ông T2 có biết, và khi đo đạc chuyển nhượng cũng có ông T2 đứng đó do ông T2 là người có đất giáp ranh phần đất chuyển nhượng. Về đất lúa thì khi cụ Đ chết, cụ C2 sẽ được hưởng 1/2 quyền sử dụng đất, còn 1/2 chia đều cho 09 người con. Tuy nhiên tại đơn xin cho ông T đứng tên giấy đất có các ông bà Võ Thị L2, Võ Minh T2, Võ Thị C ký xác nhận nên 03 người này sẽ không được hưởng phần đất ruộng thuộc thừa kế của cụ C2.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, bà C, bà M đều thống nhất trình bày: Hai bà thống nhất về các con chung của cụ Đ và cụ C2 như bà L trình bày cũng như các tài sản thừa kế mà cụ Đ và cụ C2 để lại. Bà M và bà Chính xác Đ1 không biết việc ông T bán đất cho Công ty B4, sau đó gần 2 năm thì hai bà mới biết việc này. Lúc đó vì tình cảm gia đình nên bà M và bà C cũng không lên tiếng. Bà M và bà C có nhận 25.000.000 đồng trong số 100.000.000 đồng như ông T trình bày là tương đương với nửa công đất lúa mà trước khi chết cụ C2 có nguyện vọng chia cho các người con không có đất. Tuy nhiên, thời điểm mà ông T đưa tiền cho 04 người không có đất thì giá trị nửa công đất là đã cao hơn 25.000.000 đồng. Bà M và bà C cũng yêu cầu được chia thừa kế với kỷ phần được hưởng của mỗi người là 1/9 tổng số tài sản cụ Đ và cụ C2 để lại. Đối với phần đất thổ tại thửa 135 thì bà M và bà C yêu cầu được nhận bằng hiện vật, còn phần đất lúa đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần B4 thì hai bà yêu cầu nhận bằng giá trị.

Việc ông P đại diện cho rằng bà C, ông T2, bà L2 đã ký vào đơn xin cho ông T đứng tên giấy đất, không được hưởng phần thừa kế đất lúa của cụ C2 sau khi cụ Đ chết là không đúng, vì nếu ông T tiếp tục canh tác thì vẫn để ông T canh tác, còn đã bán cho người khác thì phải chia đều cho anh em giá trị chuyển nhượng đất.

Bà M và bà Chính xác Đ1 đều yêu cầu chia thừa kế này là vì nhận thấy ông T không tôn trọng anh em trong gia đình, bán đất và ra nước ngoài rồi thì không xem anh em trong gia đình ra gì, giao nhà đất hương quả cho bên vợ quản lý, giỗ quải không thông báo cho anh em tới lui cúng kiếng. Chứ hiện nay anh em trong gia đình sống không thiếu thốn nên cũng không phải vì của cải vật chất mà đi khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh T2, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, ông T2 thống nhất trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị L và ông có yêu cầu độc lập hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng CA 187819 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Võ Minh T đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA; yêu cầu chia thừa kế toàn bộ diện tích đất trên. Cụ thể 03 thửa đất gồm thửa số 21, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.850m^2, thửa số 320, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.966m^2, thửa số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2 cùng tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA có tổng diện tích là 10.779,7m^2, yêu cầu chia 1/9 là 10.779,7m^2 : 9 = 1.197m^2.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Xuân H, ông Lê Văn P1 và bà Lê Thị Ngọc D trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, ông Võ Minh T2 đại diện cho bà H, ông P1, bà D trình bày: Bà Võ Thị Xuân H là con ruột của ông Võ Minh X (đã chết); ông X có 02 người con gồm bà H và ông Võ Hoàng P2. Ông Lê Văn P1 và bà Lê Thị Ngọc D là con ruột của bà Võ Thị Q. Trong vụ án này, bà H, ông

P1, bà D thống nhất với lời trình bày của bà L và có yêu cầu khởi kiện như sau: hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng CA 187819 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Võ Minh T đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA; yêu cầu chia thừa kế toàn bộ diện tích đất trên. Cụ thể 03 thửa đất gồm thửa số 21, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.850m^2, thửa số 320, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.966m^2, thửa số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2 cùng tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA có tổng diện tích là 10.779,7m^2, yêu cầu chia 1/9 là 10.779,7m^2 : 9 = 1.197m^2/2 = 598,5m^2.

Theo văn bản đề ngày 05/4/2021 đã được hợp pháp hóa lãnh sự, bà Trần Thị L4 trình bày: Bà là vợ của ông Võ Minh T. Các tài sản thuộc phạm vi vụ án mà bà Võ Thị L tranh chấp do Tòa án giải quyết là tài sản hợp pháp của vợ chồng bà. Bà thống nhất hoàn toàn với ông Võ Minh T về việc trình bày nguồn gốc tài sản và về cách giải quyết tranh chấp. Đồng thời bà đề nghị vắng mặt không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai về nguồn gốc đất đề ngày 02/9/2022, bà Võ Thị L2 trình bày: Thửa đất số 135, diện tích 2.976m^2 do ông Võ Minh T sử dụng được sự thể hiện ý nguyện của cha bà là cụ Võ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1; ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đã lâu, tất cả anh chị em đều biết, chấp thuận. Ông T đã sử dụng thửa đất trên 20 năm, làm kinh tế lo phụng dưỡng cha mẹ già. Về phần 2 thửa đất lúa khi cha của bà mất vào tháng 3/1998 thì đến 09/12/1998 mẹ của bà và các con gồm Võ Thị L2, Võ Thị C, Võ Minh T2, Võ Minh T, theo lời Ủy ban xã nói số người đã được rồi nên những anh em có mặt tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho ông T. Trong thời gian đó, anh chị em hòa thuận vui vẻ, không có mâu thuẫn xảy ra.

Khi ông T sang Úc, có nhờ 2 vợ chồng em vợ trông coi đất đai nhà cửa thì từ đó phát sinh mâu thuẫn, thưa kiện phân chia tài sản của ông T. Bà từ chối nhận di sản thừa kế, kỷ phần của bà giao cho ông T quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh LA quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị L.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị M.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Bích .1

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Ngọc D, ông Lê Văn P1.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Xuân H.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Thị C, ông Võ Minh T2.

[1] Chia chung cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, ông Võ Minh T2, bà Lê Thị Ngọc D, ông Lê Văn P1 và bà Võ Thị Xuân H phần đất có diện tích 1.616m^2, loại đất ở nông thôn, thuộc 1 phần thửa đất 135, tờ bản đồ số 4-12, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA có tứ cận theo khu A trích đo địa chính

số:....-2022 ngày 16/9/2022 do Công ty TNHH Đ3 thực hiện (Mảnh trích đo địa chính phân khu trên cơ sở Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 1914-2021 do Công ty TNHH Đ3 lập ngày 07/4/2021 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T duyệt ngày 26/7/2021).

[2] Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 ngày 10/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA cấp cho ông Võ Minh T đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2 tại xã H, thành phố T, tỉnh LA.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

[3] Buộc bà Võ Thị L, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, ông Võ Minh T2, bà Lê Thị Ngọc D, ông Lê Văn P1 và bà Võ Thị Xuân H liên đới trả lại cho ông Võ Minh T, bà Trần Thị L4 giá trị cây trên, vật kiến trúc trên phần đất được chia với số tiền 66.892.500 đồng.

[4] Buộc ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 có trách nhiệm liên đới giao cho bà Võ Ngọc B số tiền 636.650.413 đồng.

[5] Chia thừa kế bằng giá trị cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc B mỗi người số tiền 42.513.800 đồng; bà Võ Thị Xuân H số tiền 67.513.800 đồng và bà Lê Thị Ngọc D, ông Lê Văn P1 số tiền 67.513.800 đồng.

[6] Buộc ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 có trách nhiệm giao lại cho bà Võ Thị L, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc B mỗi người số tiền 42.513.800 đồng; bà Võ Thị Xuân H số tiền 67.513.800 đồng và bà Lê Thị Ngọc D, ông Lê Văn P1 số tiền 67.513.800 đồng.

[7] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, ông Võ Minh T2 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế bằng giá trị đối với thửa đất số 21, 320, 388, tờ bản đồ số 3, 4, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2022, ông Trần Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 29/9/2022, bị đơn ông Võ Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 135/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Sa L1, đại diện ủy quyền của bị đơn ông Võ Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L4 trình bày: Thống nhất đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự với các nội dung như sau:

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với phần đất có diện tích 2.963,7m^2 thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, toạ lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 ngày 10/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA cấp cho ông T đứng tên.

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 đồng ý trả cho bà Võ Thị L, bà Võ Ngọc B, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M mỗi người số tiền là 510.000.000 đồng/người (Năm trăm mười triệu đồng).

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 đồng ý trả cho bà Võ Thị Xuân H là đại diện nhận kỷ phần thừa kế của ông Võ Minh X (đã chết) số tiền 567.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 đồng ý trả cho bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Văn P1 (con bà Võ Thị Q đã chết) số tiền 567.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Ông Võ Minh T2 thống nhất không nhận kỷ phần thừa kế được chia theo Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 19-9-2022 của Toà án nhân dân tỉnh LA, kỷ phần này của ông T2 sẽ do ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 hưởng theo quy định.

Nguyên đơn bà Võ Thị L; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, ông Võ Minh T2 và bà Võ Thị Xuân H trình bày: Thống nhất với nội dung thỏa thuận như đại diện ủy quyền của bị đơn ông Võ Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L4 trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã tự thoả thuận được với nhau. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA và một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng các đương sự đã thoả thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Võ Thị L2, ông Đoàn Minh V, bà Trần Thị L3, bà Đoàn Thị Anh T3, ông Võ Hoàng P2 và Ủy ban nhân dân thành phố T vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Minh T2 và bà Võ Thị C đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với phần đất ruộng thuộc thửa đất 320, 21, 388 nên Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Võ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1 có 09 người con gồm các ông, bà: Võ Thị Q (Bà Q đã chết, hàng thừa kế của bà Q gồm ông Lê Văn P1 và bà Lê Thị Ngọc D), Võ Minh X (ông X đã chết, hàng thừa kế của ông X gồm bà Võ Thị Xuân H, ông Võ Hoàng P2), Võ Thị L, Võ Thị L2, Võ Thị C, Võ Thị M, Võ Ngọc B, Võ Minh T2 và Võ Minh T, ngoài ra không còn ai khác. Cụ Đ chết ngày 25/11/1998, cụ C1 chết ngày 24/11/2006. Cụ Đ và cụ C1 không để lại di chúc.

[2.2] Tài sản do cụ Đ và cụ C1 để lại gồm:

- Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA. Năm 2015, ông T đăng ký kê khai, được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 ngày 10/6/2015.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.850m^2 và thửa đất số 320, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.966m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA. Hai thửa đất này cụ Võ Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/9/1997. Năm 2005, ông T kê khai 02 thửa đất trên nhận thừa kế từ cha mẹ, được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 273242, số vào sổ H00212 và số AD 273241, số vào sổ H00213 cùng ngày 07/9/2005.

Sau đó, ông T thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại bản tường trình nguồn gốc đất ngày 22/12/2014, ông T kê khai nguồn gốc đất thửa 21, 388 ghi đất có nguồn gốc cha mẹ sử dụng trước năm 1975 và nhận thừa kế năm 2005, nhưng trong hồ sơ không văn bản thể hiện ông T được phân chia di sản thừa kế thửa 388. Ngày 22/01/2015, ông T được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận mới gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 891118 ngày 22/01/2015 đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.159,3m^2; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 891119 ngày 22/01/2015 đối với thửa đất số 388, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.817,5m^2, cùng tọa lạc tại xã H, thành phố T.

Ngày 10/02/2015, vợ chồng ông T, bà L4 đã chuyển nhượng cho ông Ngô Tuấn H1, bà Hồ Phương T5 các thửa đất số 21, 320, 388. Ngày 09/3/2015, Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 360972, BX 360973, BX 360974 cho ông H1, bà T5 đối với thửa đất trên. Ngày 07/7/2016, ông H1, bà T5 tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất trên cho Công ty cổ phần B4.

[2.3] Các đương sự thống nhất tài sản nêu tại mục [2.2] là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ C1. Bà L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà B, bà C, bà M, ông T2, người thừa kế của bà Q, người thừa kế của ông X) có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản trên. Bà L2 từ chối nhận thừa kế, và giao kỷ phần được hưởng cho ông T quản lý. Ông T không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật vì vợ chồng ông là người chăm sóc cha mẹ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật, và năm 1998 cụ C1 đã làm "Đơn xin cho con đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" có bà L2, ông T2, bà C ký tên xác nhận. Ngoài ra, các đương sự yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật đối với thửa 135, nhận giá trị kỷ phần thừa kế đối với quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho Công ty cổ phần B4 (thửa 21, 320, 388).

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đ và cụ C1 như sau:

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với phần đất có diện tích 2.963,7m^2 thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, toạ lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 ngày 10/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA cấp cho ông T đứng tên.

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 đồng ý thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại như sau:

- Trả cho bà Võ Thị L, bà Võ Ngọc B, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M mỗi người số tiền là 510.000.000 đồng/người (năm trăm mười triệu đồng).

- Trả cho người thừa kế của ông Võ Minh X (do bà Võ Thị Xuân H đại diện nhận) số tiền 567.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

- Trả cho người thừa kế của bà Võ Thị Q (gồm bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Văn P1) số tiền 567.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Ông Võ Minh T2 thống nhất không nhận kỷ phần thừa kế được chia theo Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh LA, kỷ phần này của ông T2 sẽ do ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 hưởng theo quy định.

[2.5] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L, bà C, bà M, ông T2, người thừa kế của ông X (có bà H là đại diện), người thừa kế của bà Q (có ông T2 là đại diện), ông T (có ông P và bà T2 là đại diện), bà B (có ông T2 là đại diện), bà L4 (có bà Bích T1 là đại diện) đều có mặt. Riêng bà L2 vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà L2 có ý kiến từ chối nhận thừa kế và giao kỷ phần được hưởng cho ông T nên việc các đồng thừa kế còn lại thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà L2. Nội dung thỏa thuận nêu tại mục [2.4] không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đã nêu trên về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đ và cụ C1.

Do các bên đương sự thống nhất thỏa thuận việc phân chia thừa kế nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại phù hợp quy định pháp luật. Ngoài ra, hàng thừa kế của ông X gồm ông Võ Hoàng P2 và bà Võ Thị Xuân H. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông P2 ở nước ngoài và Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp nhưng không có ý kiến. Bản án sơ thẩm buộc bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần ông X được nhận là ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của đương sự; Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA; Sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự.

[4] Án phí và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm:

- Chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 45.700.000 đồng, mỗi kỷ phần thừa kế phải chịu 4.155.000 đồng.

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 phải chịu 16.620.000 đồng để hoàn lại cho bà Võ Thị L.

Bà Võ Ngọc B phải chịu 4.155.000 đồng, để hoàn lại cho bà Võ Thị L.

Bà Võ Thị L, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, ông Võ Minh T2, bà Võ Thị Xuân H, bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Văn P1 phải chịu 24.925.000 đồng (đã nộp xong số tiền này).

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Buộc bà Võ Thị L phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000135 ngày 05/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị L, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, ông Võ Minh T2 và bà Võ Ngọc B được miễn theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Người thừa kế của bà Võ Thị Q (gồm bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Văn P1) và người thừa kế của ông Võ Minh X (gồm ông Võ Hoàng P2 và bà Võ Thị Xuân H), mỗi người phải chịu 26.680.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% (567.000.000 đồng – 400.000.000 đồng)).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Minh T (có ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bích T1 là đại diện theo ủy quyền) và bà Trần Thị L4;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 135/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 609, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, 17, 100, 101, 166, 170, 186 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị L; Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị M, bà Võ Thị B3, bà Lê Thị Ngọc D, ông Lê Văn P1, bà Võ Thị Xuân H; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Võ Thị C, ông Võ Minh T2.

1/ Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Văn Đ và cụ Phạm Thị C1 gồm:

- Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, diện tích 2.963,7m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA, đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 ngày 10/6/2015 cho ông Võ Minh T

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.850m^2 và thửa đất số 320, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.966m^2, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA. Hai thửa

đất này cụ Võ Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/9/1997 (nay là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 360972, BX 360973, BX 360974 cùng ngày 09/3/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Ngô Tuấn H1 và bà Hồ Phương T5. Ngày 07/7/2016 ông H1, bà T5 đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất này cho Công ty cổ phần B4 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) được Văn phòng C4 chứng nhận số 1797/2016, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD).

2/ Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các ông, bà Võ Thị L, Võ Minh T, bà Trần Thị L4 (có ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Bích T1 là đại diện), Võ Thị C, Võ Thị M, Võ Minh T2, Võ Ngọc B (có ông Võ Minh T2 là đại diện), Lê Thị Ngọc D và Lê Văn P1 (người thừa kế của bà Võ Thị Q, có ông Võ Minh T2 là đại diện), Võ Thị Xuân H (đại diện người thừa kế của ông Võ Minh X) có nội dung như sau:

2.1/ Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai đối với phần đất có diện tích 2.963,7m^2 thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 4-12, toạ lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 187819 ngày 10/6/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh LA cấp cho ông T đứng tên.

2.2/ Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 đồng ý thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại như sau:

- Trả cho bà Võ Thị L, bà Võ Ngọc B, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M mỗi người số tiền là 510.000.000 đồng/người (năm trăm mười triệu đồng).

- Trả cho người thừa kế của ông Võ Minh X (do bà Võ Thị Xuân H đại diện nhận) số tiền 567.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

- Trả cho người thừa kế của bà Võ Thị Q (gồm bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Văn P1) số tiền 567.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3/ Ông Võ Minh T2 từ chối nhận kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật, kỷ phần này của ông T2 sẽ do ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 hưởng theo quy định.

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C, ông Võ Minh T2 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế bằng giá trị đối với thửa đất số 21, 320, 388, tờ bản đồ số 3, 4, tọa lạc tại xã H, thành phố T, tỉnh LA.

4/ Về chi phí tố tụng:

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 phải chịu 16.620.000 đồng để hoàn lại cho bà Võ Thị L.

Bà Võ Ngọc B phải chịu 4.155.000 đồng, để hoàn lại cho bà Võ Thị L.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc D và ông Lê Văn P1 liên đới chịu 26.680.000 đồng, được trừ số tiền 5.000.000 đồng mà bà D, ông P1 đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000119, số 0000120 cùng ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA. Bà D, ông P1 còn phải nộp tiếp 21.680.000 đồng.

Bà Võ Thị Xuân H và ông Võ Hoàng P2 liên đới phải chịu 26.680.000 đồng, được khấu trừ số tiền 2.500.000 đồng mà bà H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000121 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA. Bà H, ông P2 còn phải nộp tiếp 24.180.000 đồng.

Bà Võ Thị L, bà Võ Thị C, bà Võ Thị M, ông Võ Minh T2 và bà Võ Ngọc B được miễn.

Hoàn trả lại cho bà Võ Ngọc B số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0003013 ngày 23/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA.

6/ Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Võ Thị L phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000135 ngày 05/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Minh T và bà Trần Thị L4 không phải chịu, hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001348 ngày 03/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA và biên lai thu số 0001388 ngày 10/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh LA.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- Cục THADS tỉnh LA;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA(NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoà Hiệp